



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 2/12/2013

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	508.5	65.1
% Thay đổi	↑ 0.1%	↓ -0.1%
KLGD (CP)	77,687,566	32,006,035
GTGD (tỷ đồng)	996.40	258.24
Tổng cung (CP)	170,716,010	64,643,600
Tổng cầu (CP)	163,569,150	55,704,300

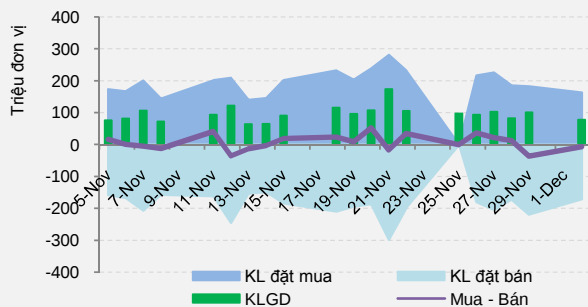
Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	4,702,916	298,600
KL mua (CP)	3,160,876	705,400
GTmua (tỷ đồng)	100.69	7.60
GT bán (tỷ đồng)	123.07	5.31
GT ròng (tỷ đồng)	(22.39)	2.29

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

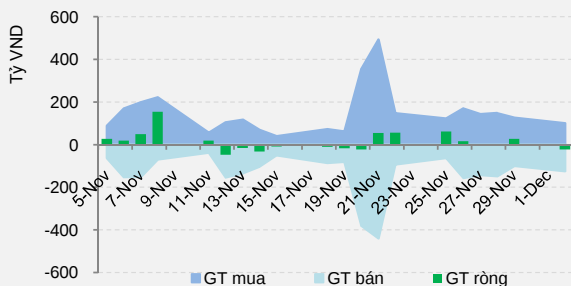
Nhận định: Chỉ số VN-Index trong phiên dao động hẹp, phụ thuộc vào diễn biến giao dịch của một số cổ phiếu vốn hóa lớn (MSN, VNM). Dòng tiền tiếp tục tập trung vào nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ thuộc ngành BĐS, VLXD. Lực cầu từ khối ngoại tại nhóm cổ phiếu Ngân hàng, BĐS và đa tăng của nhóm cổ phiếu ngành Khí như GAS, PGD, PGS, PVG cũng có tác dụng hỗ trợ thị trường chung. Còn lại đa số cổ phiếu biến động giá không đáng kể, tốc độ khớp lệnh chậm hơn khá nhiều so với phiên trước.

Diễn biến thị trường tăng điểm với thanh khoản thấp, đa tăng được hỗ trợ bởi một số cổ phiếu lớn, cho thấy lực cầu tham gia thị trường vẫn có xu hướng thận trọng. Thị trường chung dự báo tiếp tục xu hướng dao động tích lũy trong khoảng 505-513 điểm, diễn biến điều chỉnh dự báo diễn ra theo từng nhóm cổ phiếu.

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.29%	7.3	1.7	2.0%
Công nghiệp	↓ -0.40%	223.9	1.1	21.6%
Dầu khí	↑ 1.83%	7.7	1.4	2.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.11%	13.9	1.8	3.7%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.65%	8.6	2.8	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.47%	12.4	5.1	12.2%
Ngân hàng	↓ -0.15%	11.1	1.3	5.9%
Nguyên vật liệu	↓ -0.04%	10.0	2.0	8.7%
Tài chính	↑ 0.18%	15.5	2.4	31.6%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 1.44%	8.9	3.3	11.4%
VN - Index	↑ 0.15%	12.8	2.9	79.4%
HNX - Index	↓ -0.09%	16.8	1.5	20.6%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,002,870	1.3%	156,780	0.2%
GTGD (tỷ VND)	18,147	1.8%	2,958	0.3%

Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên giảm điểm nhẹ với thanh khoản thấp, tốc độ khớp lệnh chậm. Việc chỉ số HNX-Index giảm nhẹ với thanh khoản tiếp tục sụt giảm cho tín hiệu kém tích cực về dòng tiền. Nhà đầu tư đang có xu hướng quan tâm hơn tới nhóm cổ phiếu Bluechips thị giá trung bình thuộc sàn HOSE, lực mua tại nhóm cổ phiếu thị giá thấp có xu hướng thận trọng hơn, quan tâm hơn tới yếu tố cơ bản của cổ phiếu. Thị trường dự báo tiếp tục dao động tích lũy quanh ngưỡng cân kỹ thuật 65-66 điểm trong phiên giao dịch tới.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục/thực hiện tái cơ cấu danh mục, quan tâm đến nhóm cổ phiếu Bluechips có thời gian tích lũy, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index tăng 0.75 điểm (0.15%), lên 508.53 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 507.1 điểm.

- HNX-Index giảm 0.06 điểm (0.09%), xuống 65.13 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 64.94 điểm.

- Ngày 24/11, đoàn đàm phán TPP đã có cuộc họp tại Mỹ, trước cuộc họp mang tính quyết định tại Singapore vào tháng 12/2013. Tuy nhiên khả năng hoàn thành hiệp định thương mại TPP trong năm 2013 là không khả thi khi bất đồng của các bên vẫn còn khá lớn, đặc biệt tại lĩnh vực còn nhiều tranh cãi về hàng hóa xuất nhập khẩu tại nhiều quốc gia. Mỹ và Nhật Bản cũng không đạt được đồng thuận sau cuộc thảo luận về các vấn đề òn bất đồng, đặc biệt là trong cách đánh thuế đối với các sản phẩm nông nghiệp.

- Chỉ số PMI Việt Nam tháng 11 do HSBC công bố đạt 50.3 điểm, đánh dấu tháng tăng trưởng thứ 3 liên tiếp, dù tốc độ tăng chậm hơn so với hai tháng trước đó (51.5 điểm). Nguyên nhân do số đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm so với tháng trước, dù sản lượng đầu ra và tỷ lệ lao động vẫn đang tăng trưởng, phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh cuối năm. Kết hợp với các chỉ số kinh tế do Tổng cục Thống kê công bố, nền kinh tế vẫn đang cho tín hiệu phục hồi, dù tốc độ còn chậm.

- Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, sau 11 tháng, cả nước có 54.932 doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng hoạt động, tăng hơn 8% so với cùng kỳ năm ngoái. Việc nhiều doanh nghiệp không trụ lại được cho thấy tình hình kinh tế vẫn còn khó khăn, sức cầu của thị trường thấp. Tính chung 11 tháng, cả nước có hơn 71.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn gần 359.500 tỷ đồng, tăng 10% về lượng nhưng vẫn giảm 15% về vốn so với cùng kỳ năm ngoái, phần lớn có quy mô nhỏ.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 0.75 điểm (0.15%), lên 508.53 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 507.1 điểm.

- KLGD giảm 22% so với phiên trước, xuống 75 triệu đơn vị, thấp hơn mức 90 triệu của trung bình 21 ngày.

- Chỉ số RSI14 tăng nhẹ lên mức 62.5 điểm, tuy nhiên tâm lý thị trường vẫn khá thận trọng. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn đang dao động phía trên đường tín hiệu, dù khoảng cách đang thu hẹp dần.

Nhận định: Chỉ số VN-Index trong phiên dao động hẹp, phụ thuộc vào diễn biến giao dịch của một số cổ phiếu vốn hóa lớn (MSN, VNM). Dòng tiền tiếp tục tập trung vào nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ thuộc ngành BĐS, VLXD. Lực cầu từ khối ngoại tại nhóm cổ phiếu Ngân hàng, BĐS, đã tăng của nhóm cổ phiếu Khí cũng có tác dụng hỗ trợ thị trường chung. Còn lại đa số cổ phiếu biến động giá không đáng kể, tốc độ khớp lệnh chậm hơn khá nhiều so với phiên trước.

Diễn biến thị trường tăng điểm với thanh khoản thấp, đã tăng được hỗ trợ bởi một số cổ phiếu lớn, cho thấy lực cầu tham gia thị trường vẫn có xu hướng thận trọng. Thị trường chung dự báo tiếp tục xu hướng dao động tích lũy trong khoảng 505-513 điểm, diễn biến điều chỉnh dự báo diễn ra theo từng nhóm cổ phiếu. Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường khá tốt hiện tại, chúng tôi cho rằng thị trường sẽ có phản ứng khi giảm về mốc hỗ trợ.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục/thực hiện tái cơ cấu danh mục, quan tâm đến nhóm cổ phiếu Bluechips có thời gian tích lũy, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm 0.06 điểm (0.09%), xuống 65.13 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 64.94 điểm.

- KLGD giảm 31% so với phiên trước, xuống 27 triệu đơn vị, thấp hơn khá nhiều mức trung bình 21 ngày (44 triệu).

- Chỉ số RSI 14 giảm xuống mức 74 điểm, vẫn ở trên mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn dao động phía trên đường tín hiệu, dù khoảng cách tiếp tục thu hẹp dần.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên giảm điểm nhẹ với thanh khoản thấp, tốc độ khớp lệnh chậm. Dòng tiền vẫn tập trung tại một số cổ phiếu thuộc nhóm ngành dầu khí, xây dựng, BĐS. Còn lại đa số cổ phiếu không có nhiều biến động giá, khi áp lực cung giá thấp không lớn.

Việc chỉ số HNX-Index giảm nhẹ với thanh khoản tiếp tục sụt giảm cho tín hiệu kém tích cực về dòng tiền. Nhà đầu tư đang có xu hướng quan tâm hơn tới nhóm cổ phiếu Bluechips thị giá trung bình thuộc sàn HOSE, lực mua tại nhóm cổ phiếu thị giá thấp có xu hướng thận trọng hơn, quan tâm hơn tới yếu tố cơ bản của cổ phiếu.

Thị trường dự báo tiếp tục dao động tích lũy quanh ngưỡng kỹ thuật 65-66 điểm trong phiên giao dịch tới. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	SHNN (%)
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	2.18
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	12.92
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	49.00
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	29.40
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	44.73
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	11.25
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	38.82
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	48.99
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	23.17
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	43.70

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN 9T TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	SHNN (%)
1	FCM	HOSE	22.69	0.0%	-5.28	0.0%	253.64	314.5%	16.38	20375.0%	17.1%	3.91
2	TCM	HOSE	709.28	136.3%	36.88	4490.5%	1909.03	108.0%	94.64	17307.3%	104.8%	49.00
3	CLG	HOSE	86.07	308.9%	0.82	136.8%	257.96	357.4%	27.18	2886.8%	130.6%	8.46
4	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	11.25
5	SDP	HNX	191.78	121.3%	-0.11	95.7%	551.58	94.4%	3.9	1214.3%	64.0%	0.37
6	VCG	HNX	2700.72	121.8%	26.52	131.2%	8423.24	110.0%	123.22	995.3%	34.4%	4.18
7	FIT	HNX	11.62	0.0%	15.29	0.0%	34.62	318.5%	18.01	809.1%	76.1%	-
8	KSS	HOSE	28.94	31.0%	1.35	16.4%	184.1	72.1%	10.59	757.8%	30.3%	5.03
9	FLC	HOSE	348.4	186.3%	26.16	3270.0%	998.99	250.6%	46	631.3%	0.0%	1.68
10	VE1	HNX	12.91	122.8%	0.16	138.1%	41.69	176.1%	2.23	555.1%	63.7%	3.73

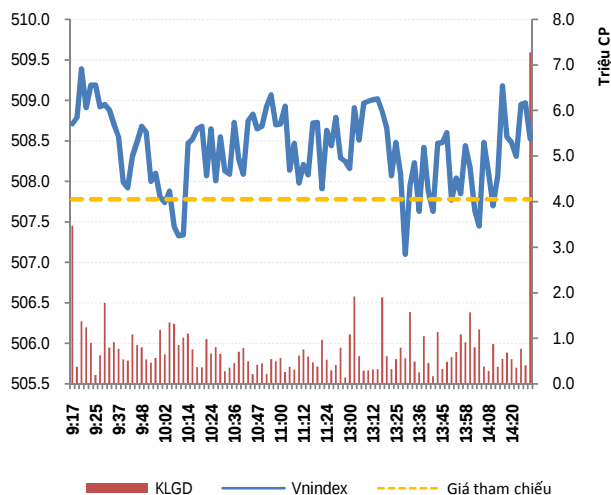
CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ HOÀN THÀNH KH NĂM 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN (tỷ %)
1	PVT	HOSE	1202.17	116.5%	46.73	133.1%	3526.38	109.5%	176.01	43.8%	451.3%	3.28
2	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	11.25
3	BSI	HOSE	54.21	162.5%	5.16	167.1%	155.16	81.1%	9.23	-80.6%	406.6%	0.61
4	VST	HOSE	362.18	105.1%	-24.06	54.2%	987.22	88.2%	-171.69	-90.9%	345.9%	0.54
5	VNA	HOSE	174.01	99.7%	-17.62	-38.1%	501.69	79.1%	-86.16	-79.0%	344.6%	1.67
6	VTO	HOSE	393.57	89.1%	8.04	62.6%	1201.53	97.9%	23.44	-45.5%	324.2%	1.92
7	NHS	HOSE	320.36	122.4%	29.33	894.2%	972.29	137.3%	96.06	43.3%	255.3%	2.97
8	WSS	HNX	4.92	78.0%	4.83	219.6%	15.22	54.5%	5.1	262.9%	222.7%	4.40
9	SZL	HOSE	43.31	124.8%	17.28	239.3%	116.14	122.8%	36.47	52.5%	194.5%	4.85
10	TIE	HOSE	68	96.1%	33.35	354.0%	187.19	96.4%	40.99	140.0%	188.5%	3.47

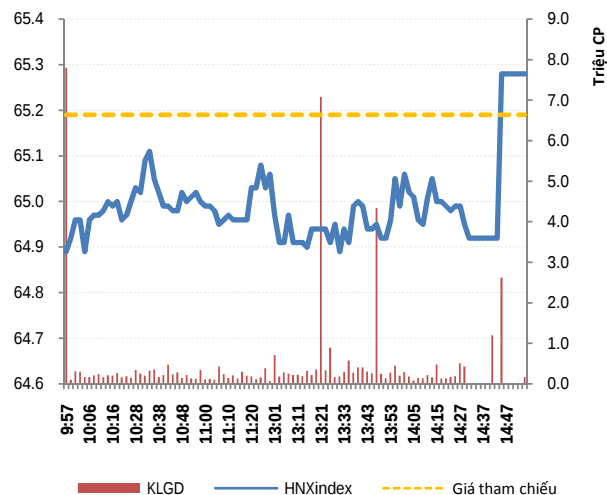
Ghi chú: Chỉ liệt kê những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phần

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 29/11/2013

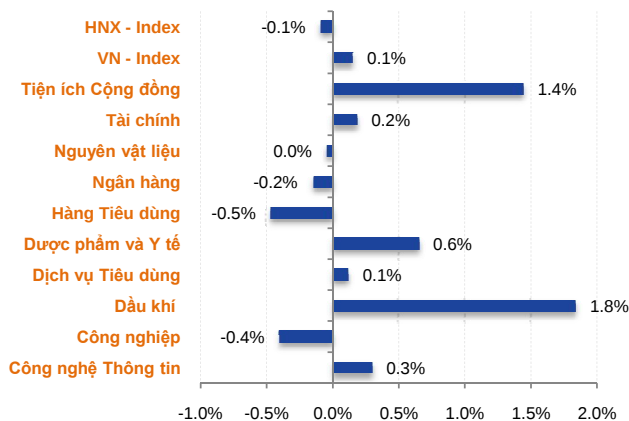
KLGD và VN-Index trong phiên



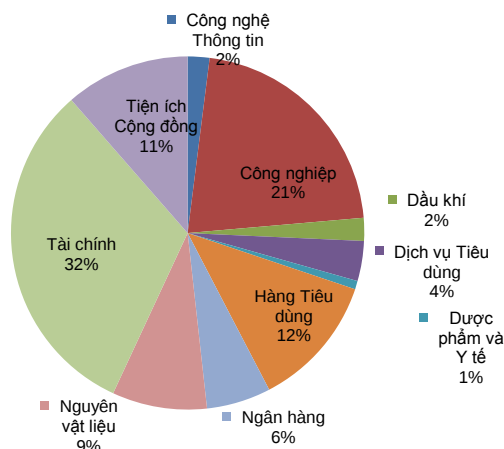
KLGD và HNX-Index trong phiên



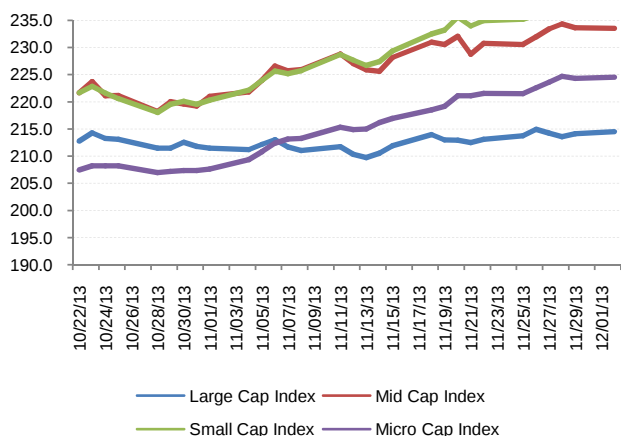
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



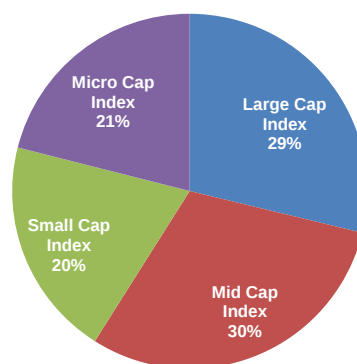
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VPH	275,160	HAG	1,811,580
2	KBC	120,000	PTL	225,000
3	DIG	117,170	CII	127,100
4	CTG	116,000	ITC	110,000
5	DPM	104,890	PXL	73,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	305,200	PGS	85,500
2	KLS	102,400	PVC	25,000
3	VND	80,000	PVG	20,000
4	APS	30,000	PVS	20,000
5	SED	18,500	PVX	17,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	7.2	7.7	↑ 6.94%	11,385,050
PTL	3.1	2.9	↓ -6.45%	3,669,240
HAG	21.3	21.0	↓ -1.41%	3,147,550
MCG	6.5	6.3	↓ -3.08%	2,769,550
ITA	6.6	6.6	→ 0.00%	2,381,200

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	7.0	7.0	↓ -0.09%	3,779,642
NVB	6.5	6.1	↓ -6.15%	3,312,110
SCR	6.9	6.8	↓ -1.33%	2,065,171
PVX	2.5	2.4	↓ -2.36%	1,434,340
PVG	11.3	12.2	↑ 8.23%	1,347,030

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FLC	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%
VID	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
SAV	13.2	14.1	0.9	↑ 6.82%
VPH	8.9	9.5	0.6	↑ 6.74%
PGC	12.0	12.8	0.8	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HCC	9.0	9.9	0.9	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
SDG	19.3	21.2	1.9	↑ 9.82%
VNF	17.4	19.0	1.6	↑ 9.20%
VE8	3.3	3.6	0.3	↑ 9.09%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VHG	11.5	10.7	-0.8	↓ -6.96%
TLG	39.0	36.3	-2.7	↓ -6.92%
VNI	4.4	4.1	-0.3	↓ -6.82%
BHS	13.3	12.4	-0.9	↓ -6.77%
VNH	7.4	6.9	-0.5	↓ -6.76%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.00%
TBX	10.0	9.0	-1.0	↓ -10.00%
VMC	17.0	15.3	-1.7	↓ -10.00%
TKU	13.0	11.7	-1.3	↓ -9.97%
SDB	2.0	1.8	-0.2	↓ -9.95%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	11,385,050	6.3%	990	7.8	0.5
PTL	3,669,240	-4.3%	(427)	-	0.3
HAG	3,147,550	5.9%	1,095	19.2	1.2
MCG	2,769,550	0.3%	42	148.8	0.5
ITA	2,381,200	0.2%	26	256.1	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	3,779,642	17.1%	1,884	3.7	0.6
NVB	3,312,110	-2.6%	(278)	-	0.6
SCR	2,065,171	-1.1%	(160)	-	0.5
PVX	1,434,340	-92.1%	(5,013)	-	0.6
PVG	1,347,030	6.7%	975	12.7	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	↑ 6.9%	6.3%	990	7.8	0.5
VID	↑ 6.9%	-17.0%	(1,581)	-	0.4
SAV	↑ 6.8%	0.2%	45	312.9	0.5
VPH	↑ 6.7%	4.3%	626	15.2	0.6
PGC	↑ 6.7%	14.1%	1,765	7.3	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HCC	↑ 10.0%	8.2%	1,016	9.2	0.8
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
SDG	↑ 9.8%	20.8%	3,236	6.6	1.3
VNF	↑ 9.2%	15.5%	3,924	4.8	0.7
VE8	↑ 9.1%	0.2%	16	219.9	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VPH	275,160	4.3%	626	15.2	0.6
KBC	120,000	-8.6%	(1,156)	-	0.7
DIG	117,170	0.2%	28	435.4	0.7
CTG	116,000	16.0%	2,287	7.6	1.3
DPM	104,890	25.8%	6,550	6.3	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	305,200	17.1%	1,884	3.7	0.6
KLS	102,400	6.4%	810	10.7	0.7
VND	80,000	10.9%	1,265	8.1	0.8
APS	30,000	0.8%	69	53.8	0.4
SED	18,500	24.1%	3,553	4.6	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	123,175	40.9%	6,696	9.7	3.7
VNM	117,520	40.5%	8,053	17.5	7.0
VCB	65,815	9.8%	1,757	16.2	1.6
CTG	64,415	16.0%	2,287	7.6	1.3
VIC	63,611	47.1%	6,710	10.4	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	7.5%	1,027	15.2	1.1
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	8,041	17.3%	2,872	6.3	1.1
SHB	6,203	17.1%	1,884	3.7	0.6
OCH	4,980	5.9%	687	36.2	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	3.22	670.8%	(12,445)	-	(0.3)
SVI	3.09	29.3%	5,862	6.1	1.7
DRH	2.98	-5.1%	(504)	-	0.3
VPH	2.48	4.3%	626	15.2	0.6
DIG	2.45	0.2%	28	435.4	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	7.93	1.3%	135	28.8	0.4
CVN	5.56	-43.4%	(4,323)	-	0.4
SDH	4.59	-8.1%	(611)	-	0.7
PVV	4.36	-26.7%	(2,364)	-	0.3
PFL	4.31	-16.1%	(1,522)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)